

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016.

### **Công ty**

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLĐN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014; lần thứ 25 ngày 08/12/2014; lần thứ 26 ngày 25/08/2015 và lần thứ 27 ngày 02/10/2015.

### **Ngành nghề kinh doanh:**

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột mạtit; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; ...

**Vốn điều lệ: 2.199.398.670.000 VNĐ** (Hai nghìn một trăm chín mươi chín tỷ, ba trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng)

**Trụ sở chính: số 326 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang**

### **Cấu trúc doanh nghiệp :**

#### **Thông tin về chi nhánh:**

- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai  
Số 9 Nguyễn Kim, phường 12, Quận 5, TP Hồ Chí Minh  
Mã số chi nhánh : 1600169024-014
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu nghỉ mát Sao Mai  
Km 47 quốc lộ 51, thôn Song Vĩnh, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu  
Mã số chi nhánh : 1600169024-012
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Lấp Vò - Đồng Tháp  
Cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam  
Mã số chi nhánh : 1600169024-017
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Bệnh viện Quốc tế Sao Mai  
Số 325/1 hẻm Hùng Vương, đường Hùng Vương, P. Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang  
Mã số chi nhánh : 1600169024-019

#### **Thông tin về văn phòng đại diện:**

- + Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại các tỉnh Phía Bắc  
Địa chỉ : Nhà C và D - 9, Số 18 đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.  
Mã số VPĐD : 1600169024-016

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thành phố Hoà Bình  
Địa chỉ : Số nhà 151, tổ 5A, phường Phương Lâm, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình.  
Mã số VPĐD : 1600169024-018

Công ty liên kết:	Vốn đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	196,876,570,000 VND
Công ty CP Đầu Tư Tài Chính Và Truyền Thông Quốc Tế.	3,510,000,000 VND

Công ty con:	
Công ty TNHH Dững Thịnh Phát	33,000,000,000 VND
Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	45,391,109,800 VND
Công ty CP Phú Hùng Phú Quốc	335,073,000,000 VND

Kết quả hoạt động	
Lợi nhuận sau thuế cho:	+ Giai đoạn quý 1 năm 2016 là: 26,845,992,933 VND
	+ Giai đoạn quý 1 năm 2015 là: 10,024,251,353 VND
Lợi nhuận chưa phân phối tại:	+ Thời điểm 31 tháng 03 năm 2016 là: 171,910,506,527 VND
	+ Thời điểm 01 tháng 01 năm 2016 là: 145,064,513,594 VND

### Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông : Lê Thanh Thuấn	Chủ tịch
Ông : Nguyễn Văn Hưng	Phó Chủ tịch
Ông : Lê Văn Chung	Thành viên
Ông : Lê Xuân Quế	Thành viên
Ông : Lê Văn Thủy	Thành viên
Ông : Trương Vĩnh Thành	Thành viên
Ông : Lê Văn Lâm	Thành viên
Bà : Võ Thị Hồng Tâm	Thành viên
Bà : Lê Thị Nguyệt Thu	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Ông : Lê Thanh Thuấn	Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Lê Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà : Lê Thị Nguyệt Thu	Phó Tổng Giám đốc
Bà : Lê Thị Phượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Hoàng Sang	Giám Đốc Tài Chính kiêm Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông : Trương Công Khánh	Trưởng ban kiểm soát
Bà : Lê Thị Tính	Thành viên kiểm soát
Ông : Lê Thanh Hảnh	Thành viên kiểm soát

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn quý 1 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn quý 1 năm 2016 kết thúc tại ngày ngày 31 tháng 03 năm 2016 của Công ty .

Long Xuyên, ngày 29 tháng 04 năm 2016

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Chủ tịch



The image shows a handwritten signature in black ink over a red circular stamp. The stamp contains the following text: 'M.S.T.N: 160016000' at the top, 'TẬP ĐOÀN SAO MAI' in the center, and 'T.P. LONG XUYỀN - TANGIANG' at the bottom. The signature is written over the stamp and extends across the page.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2016	01/01/2016
<b>100</b>	<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3,109,014,533,956</b>	<b>3,057,128,120,453</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	470,399,347,950	472,339,566,075
111	1. Tiền		99,387,187,040	80,142,651,139
112	2. Các khoản tương đương tiền		371,012,160,910	392,196,914,936
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>04</b>	<b>1,000,000,000</b>	
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1,000,000,000	
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1,566,359,583,787</b>	<b>1,572,441,057,813</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	353,218,756,436	362,280,763,909
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		975,789,467,201	1,031,044,021,159
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		1,000,000,000	
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	06	236,336,858,874	179,106,631,938
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		14,501,276	9,640,807
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>1,060,886,496,861</b>	<b>1,005,217,662,090</b>
141	1. Hàng tồn kho	07	1,060,886,496,861	1,005,217,662,090
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10,369,105,358</b>	<b>7,129,834,475</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	2,002,503,149	192,002,512
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5,289,145,147	4,541,991,861
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	3,077,457,062	2,395,840,102
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2016	01/01/2016
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>897,615,186,332</b>	<b>851,373,814,110</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>849,032,523</b>	<b>848,337,884</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		44,500,000	44,500,000
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	3. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	06	804,532,523	803,837,884
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>144,409,672,982</b>	<b>141,726,532,527</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	113,933,069,878	111,249,929,423
222	- Nguyên giá		158,071,136,301	153,766,616,301
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(44,138,066,423)	(42,516,686,878)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	30,476,603,104	30,476,603,104
228	- Nguyên giá		30,476,603,104	30,476,603,104
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	11	<b>47,852,905,882</b>	<b>47,884,453,137</b>
231	- Nguyên giá		52,563,289,787	52,489,956,454
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4,710,383,905)	(4,605,503,317)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>51,697,679,793</b>	<b>51,697,679,793</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	08	51,697,679,793	51,697,679,793
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	04	<b>326,213,600,833</b>	<b>310,885,253,856</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		270,376,188,787	265,747,841,810
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		40,060,000,000	40,060,000,000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(32,587,954)	(32,587,954)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		15,810,000,000	5,110,000,000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>326,592,294,319</b>	<b>298,331,556,913</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	40,457,948,849	18,551,828,763
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1,722,831,079	1,637,141,092
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại		284,411,514,391	278,142,587,058
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4,006,629,720,288</b>	<b>3,908,501,934,563</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2016	01/01/2016
<b>300</b>	<b>C . NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1,543,526,931,816</b>	<b>1,472,343,617,299</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>999,767,598,406</b>	<b>933,396,244,244</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	74,553,742,217	91,682,699,532
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		356,322,430,174	262,021,416,318
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	12,026,763,245	16,186,248,345
314	4. Phải trả người lao động		869,438,371	848,661,788
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		413,828,843	206,630,900
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	32,481,439,768	32,771,588,403
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	16	62,353,794,474	56,978,712,455
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	450,535,491,017	462,259,616,206
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10,210,670,297	10,440,670,297
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>543,759,333,410</b>	<b>538,947,373,055</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn		329,676,689	329,676,689
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	7,429,062,147	7,429,062,147
337	7. Phải trả dài hạn khác	16	2,886,499,019	3,027,537,019
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	533,114,095,555	528,161,097,200
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

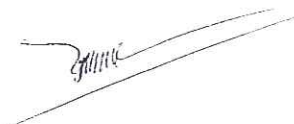
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2016	01/01/2016
400	D . VỐN CHỦ SỞ HỮU		2,463,102,788,472	2,436,158,317,264
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	2,451,078,650,260	2,436,158,317,264
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2,199,398,670,000	2,199,398,670,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2,199,398,670,000	2,199,398,670,000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		45,056,200,000	45,056,200,000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		29,741,625,938	29,741,625,938
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4,971,647,795	4,971,647,795
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		171,910,506,527	145,064,513,594
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		155,950,229,656	69,390,533,016
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		15,960,276,871	75,673,980,578
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		12,024,138,212	11,925,659,937
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4,006,629,720,288	3,908,501,934,563

Long Xuyên, ngày 29 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu



Ngô Thị Tố Ngân

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Sang

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Thuận

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	192,962,914,334	165,028,075,472
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	4,994,097,862	19,550,293,572
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	187,968,816,472	145,477,781,900
11	4. Giá vốn hàng bán	23	132,598,909,403	120,549,085,855
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		55,369,907,069	24,928,696,045
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	5,247,818,363	5,267,087,318
22	7. Chi phí tài chính	25	9,966,412,335	1,827,193,956
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6,047,652,978	6,047,049,880
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết		11,270,417,739	(1,428,773,533)
25	9. Chi phí bán hàng	26	5,678,323,092	5,699,311,182
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24,691,222,336	10,251,380,152
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		31,552,185,408	10,989,124,540
31	11. Thu nhập khác	27	222,196,734	328,833,954
32	12. Chi phí khác	28	2,107,040,274	63,886,100
40	13. Lợi nhuận khác		(1,884,843,540)	264,947,854
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29,667,341,868	11,254,072,394
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	4,226,822,361	3,493,489,575
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(1,724,061,119)	(1,634,393,672)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		27,164,580,626	9,394,976,491
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		26,845,992,933	10,024,251,353
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		318,587,693	(629,274,862)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)			
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)			

Long Xuyên, ngày 29 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Ngô Thị Tố Ngân

Nguyễn Hoàng Sang



Lê Thanh Thuận



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho quý 1 năm 2016 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

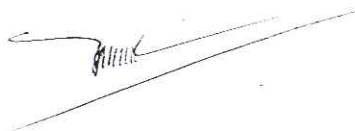
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		572,913,834,888	423,439,322,025
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(476,747,850,556)	(414,636,498,065)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16,836,868,577)	(12,376,762,350)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(8,983,315,861)	(17,392,938,383)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(6,876,481,158)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		318,175,345,936	91,928,085,532
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(394,891,214,644)	(31,958,063,070)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(13,246,549,972)</b>	<b>39,003,145,689</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3,436,455,000)	(41,298,924)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác	23		(53,810,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		74,000,000,000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.	25		-	(186,404,780,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.	26		-	93,000,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,323,913,681	1,497,174,380
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>18,077,458,681</b>	<b>(91,948,904,544)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		312,214,990,000	288,353,614,549
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(318,986,116,834)	(585,606,480,564)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(22,080,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(6,771,126,834)</b>	<b>(297,274,946,015)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>(1,940,218,125)</b>	<b>(350,220,704,870)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>472,339,566,075</b>	<b>389,731,896,437</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	61			<b>(5,948,652)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70		<b>470,399,347,950</b>	<b>39,505,242,915</b>

Long Xuyên, ngày 29 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Ngô Thị Tố Ngân

Nguyễn Hoàng Sang

Tổng Giám đốc



Lê Thanh Thuận